

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Bà Phan Thị Mỹ Lệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 06/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX- ST ngày 20 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Nguyệt L, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, Gia Lai.
Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Tấn P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/2/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Nguyệt L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Tấn P tự nguyện tìm hiểu và đi đến với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/8/1993 tại UBND thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa

theo giấy chứng nhận kết hôn số AB/1993. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã to tiếng. Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân để có thời gian dài suy nghĩ mong hàn gắn để quay lại tiếp tục chung sống. Nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, quan hệ vợ chồng ngày càng tồi tệ, tôi nhận thấy có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc mà chỉ làm khổ thêm cho nhau. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Tấn P.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên là Võ Lê Hoàng C, sinh năm 1993; Võ Tấn D, sinh năm 1996 (đã chết); Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2007. Tôi có nguyện vọng nuôi con chưa thành niên là Võ Tấn E.

Về cấp dưỡng nuôi con: tôi không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong biên bản lấy lời khai bị đơn ông Võ Tấn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như bà Lê Thị Nguyệt L trình bày là đúng, chúng tôi chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa ngày 18/8/1993. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có những bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã với nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên là Võ Lê Hoàng C, sinh năm 1993; Võ Tấn D, sinh năm 1996 (đã chết); Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2007. Đối với con Võ Tấn E chưa thành niên thì tôi nuôi cũng được. Nếu bà L có nguyện vọng nuôi con chưa thành niên là Võ Tấn E thì tôi đồng ý. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Về hôn nhân: bà L và ông P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 1993. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, hiện đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp cần được chấp nhận.

Về con: bà L và ông P có 03 con chung là Võ Lê Hoàng C, sinh năm 1993; Võ Tấn D, sinh năm 1996 (đã chết); Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2007. Bà L có nguyện vọng nuôi con chưa thành niên là Võ Tấn E không yêu cầu ông P cấp dưỡng

nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 30/3/2017 của cháu Võ Tấn E có nguyện vọng được sống chung với bà L. Đây là nguyện vọng của cháu E lựa chọn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Do vậy cần giao cháu E cho bà L trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của con đúng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Bởi vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các Điều 9, 51, 56, 81, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử bà Lê Thị Nguyệt L và ông Võ Tấn P được ly hôn trước pháp luật. Giao con Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2007 cho bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn ông Võ Tấn P nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị Nguyệt L và ông Võ Tấn P đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc ngày 18/8/1993. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà L và ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, bà L và ông P đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà L và ông P đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, nên yêu cầu ly hôn của bà L là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. *Về nuôi con chung:* Giữa bà L và ông P có 03 con chung tên là Võ Lê Hoàng C, sinh năm 1993; Võ Tấn D, sinh năm 1996 (đã chết); Võ Tấn E, sinh ngày

14/11/2007. Khi ly hôn bà L có yêu cầu được nuôi con chưa thành niên tên là Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng được ông P đồng ý. Ngoài ra tại biên bản ghi ý kiến ngày 30/3/2017 của cháu Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2017 có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, ông P đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu E cũng có nguyện vọng sống chung với bà L là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích bà L về quyền của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà L vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

2.4. Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về án phí: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Bà Lê Thị Nguyệt L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Lê Thị Nguyệt L và ông Võ Tấn P.

2. Về nuôi con chung: giao con Võ Tấn E, sinh ngày 14/11/2007 cho bà Lê Thị Nguyệt L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, ông Võ Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông Võ Tấn P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà L và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Lê Thị Nguyệt L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005817 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Bà Lê Thị Nguyệt L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2017), còn ông Võ Tấn P có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Tòa án tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa(01 bản);
- UBND tt . Phú Túc(01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án- Văn phòng(02 bản).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Toàn